

Mật Tạng Bộ 1 _No.853 (Tr.143 _ Tr.151)

KINH ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ
LIÊN HOA THAI TẠNG BỒ ĐỀ TRÀNG TIÊU XÍ
PHỔ THÔNG CHÂN NGÔN TẠNG
QUẢNG ĐẠI THÀNH TỰU DU GIÀ
QUYỀN THƯỢNG

Hán dịch: Chùa Thanh Long_Sa Môn PHÁP TOÀN tập
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

(Người muốn kết **Khế** kính bạch chư Phật Như Lai ba đời ở mười phương.
*“Chúng con là nhóm thấp kém, là kẻ phàm phu ngu độn. Tuy tay giữ **Án** này giống như loài muỗi kiến bám núi Tu Di, sợ không có thể lực. Nguyện xin chư Phật gia hộ cho chúng con, khiến cho con được thành Vô Thượng Chính Giác, kết giữ **Án** này đồng với thể lực của Phật”.* Nói lời đó xong, chí thành lễ bái)

_Cúi lạy Tỳ Lô Giá Na Phật
Hé mở mắt tịnh như sen xanh
Ta y Đại Nhật Kinh Vương nói
Cúng dường tiền của, mọi Nghi Quỹ
Làm thành thứ tự Pháp Chân Ngôn
Như thế sẽ được mau thành tựu

Muôn ở đời này vào Tất Địa
Thọ học nơi Thầy đồng Phạm Hạnh
Tất cả đừng ôm tâm hủy hoại
Chẳng tạo tâm Ngu Đồng hành Pháp
Chẳng khởi hiềm hận nơi các Tôn
Như **Thế Đạo Sư** (bậc Thầy ở đời) **Khế** Kinh nói
Hay giữ lợi lớn đừng quá giận
Một niệm Nhân Duyên đều đốt hết
Câu Chi khoáng kiếp đã tu Thiệ
Vì thế ân cần thường lia bỏ
Tâm Tĩnh Bồ Đề, báu Như Ý
Hay mẫn các Nguyệt diệt trần lao
Tam Muội Trí niệm do đây sinh
Vì thế nay Ta siêng thủ hộ
Lại thường đầy đủ Đại Từ Bi
Cùng với **Hỷ Xả** vô lượng Tâm
Gần nơi **Tôn Sở** thọ Minh Pháp
Quán sát tương ứng tác thành tựu
Trước lễ Tôn truyền giáo Quán Đỉnh
Thỉnh bạch Chân Ngôn, nơi tu nghiệp
Bậc Trí nương Thầy liệu tính xong
Y theo địa phận, nơi thích hợp
Núi đẹp xen nhiều ngọn bằng phẳng
Mọi loại hang hốc giữa hai núi

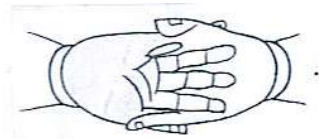
Ở tất cả Thời được an ổn
Sen sừng, sen xanh điễm khắp ao
Bên bờ sông lớn, bãi sông con
Xa lìa người vật, mọi huyên nào
Cây cối xinh đẹp nhiều cành lá
Rất nhiều Nhũ Mộc (cây có nhựa như sữa) với cỏ lành
Hoặc các Như Lai Thánh Đệ Tử
Đã từng đi qua hoặc cư ngụ
Chùa Tháp, Lan Nhã, nhà Tiên xưa
Nên y theo nơi Tâm ưa thích
Thương xót Hữu Tình vẽ Đàn lớn
Đủ sức Tịnh Tuệ hay kham nhẫn
Đêm đó phóng dật đã sinh tội
An cần hoàn tịnh đều hối trừ
Tâm mắt nhìn quán thật rõ ràng
Năm Luân sát đất mà làm lễ

_Quy mệnh Chính Đẳng Giác mười phương
Ba đời tất cả đủ ba Thân
Quy mệnh tất cả Pháp Đại Thừa
Quy mệnh Chúng Bồ Đề chẳng thoái
Quy mệnh các Minh, lời chân thật
Quy mệnh tất cả các Mật Ấn
Dùng Nghiệp thanh tịnh Thân Khẩu Ý
Ấn cần vô lượng cung kính lễ
Lễ ba lần, nhiều quanh ba vòng rồi khen ngợi. Muốn đi ra cũng lại lễ tán ba lần
Chân Ngón là (Tri Địa Ấn. Thủ Ấn có bốn tên. Tay phải là tay Trí tức là Tỳ
Bát Xá Na. Tay trái là tay Định tên là Tam Muội, cũng gọi là Xả Ma Tha)

**“Án_ Năng mạc sát phộc đát tha nghiệt đa (2) ca dã phộc cật-chất đa (3)
phộc nhật-la mãn na nam, ca lỗ nhĩ (4)”**

ॐ नमः सत्त्वस्य तस्यै नमः सर्वस्यै नमः ॥

*)OM_ NAMAḤ SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK CITTA_ PĀDA
VANDANĀM KARA-UMI



_Con do Vô Minh đã gom chứa
Nghiệp Thân Khẩu Ý tạo mọi tội
Tham dục sân si che lấp Tâm
Nơi Phật, Chính Pháp, Hiền Thánh Tăng
Cha mẹ, hai Thầy, Thiện Tri Thức
Cùng với vô lượng các chúng sinh
Lưu chuyển sống chết từ Vô Thủy
Gây tạo vô tận tội cực nặng
Đối trước mười phương Phật hiện tiền
Thấy đều sám hối chẳng làm nữa

Xuất Tội Phương Tiện Chân Ngôn là (Đại Huệ Đạo Ân)

“Án (1) Tát phộc bá ba tát-bổ tra (2) ná ha năng, phộc nhật-la dã (3) sa-phộc hạ”

ॐ स त् प प सु ह र क न व र्ज य सु ह

***)OM_ SARVA-PĀPA SPHAṬ DAHANA VAJRĀYA SVĀHĀ**



**Nam mạc mười phương Phật ba đời
Ba loại thường Thân, Tạng Chính Pháp
Chúng Đại Tâm Bồ Đề Thắng Nguyên
Nay con đều chân chính quy y
Quy Y Chân Ngôn là (Phổ Án)**

“Án (1) tát phộc một đà mạo địa tát- đát- noan (2) thiết la noãn nghiệt xa nhĩ (3) phộc nhật-la đạt ma (4) hiệt-lợi (5)

ॐ स त् व ह य (स त् व ङ्ग म्) र्ज य र्ज य ङ्ग ङ्ग

***)OM_ SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVANĀM ŚARAṆĀM
GACCHAMI_ VAJRA-DHARMA_ HRĪḤ**



**Con tịnh thân này lia bụi nơ
Cùng thân miệng ý của ba đời
Số nhiều hơn bụi hơn biển lớn
Phụng hiến tất cả các Như Lai
Thí Thân Chân Ngôn là (Độc Cổ Án)**

“Án (1) tát phộc đát tha nghiệt-đa (2) bổ nhạ bát-la phộc lật-đa năng dạ đát-ma nam (3) niết-lý dạ đá dạ nhĩ (4) tát phộc đát tha nghiệt đa thát-giả địa để sắt-xá đam (5) tát phộc đát tha nghiệt đa nhạ nạn mê a vị thiết đồ (6)”

ॐ स त् ग व र्ज ग सु र व र्ज य म् न् (स त् ग व र्ज य म्) न् (स त् ग व र्ज य म्) न्

***)OM_ SARVA TATHĀGATA PŪJA PRAVARTTANĀYA ATMĀNAM
NIRYĀTA YĀMI_ SARVA TATHĀGATĀŚCA ADHITIṢṬATAM_ SARVA
TATHĀGATA JÑĀNA ME ĀVIŚATU**



_ Tâm Tĩnh Bồ Đề, báu Thắng Nguyên

Nay con phát khởi cứu quần sinh

Góp gom Sinh khổ, ràng thân thể

Cùng với Vô Tri hại đến thân

Cứu nhiếp quy y khiến giải thoát

Thường làm lợi ích các Hàm Thức

Phát Bồ Đề Tâm Chân Ngôn là (Định Ân)

“Án (1) mạo địa tức đa (2) mầu đất bảo na dạ nhĩ (3)”

ॐ मृदोक्षरं सुखं यम

*)OM _BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI



_ Trong vô lượng Thế Giới mười phương

Các Chính Biến Tri, Chúng Đại Hải

Mọi loại lực phương tiện khéo léo

Với các Phật Tử vì Quần Sinh

Bao nhiêu phước nghiệp đã tu tập

Nay con tùy hỷ hết tất cả

Tùy Hỷ Chân Ngôn là (Quy Mệnh Hợp Chương, cũng gọi là Kim Cương Hợp Chương)

“Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) bản nhạ nhạ năng (3) nỗ mộ nại na bố đồ mê già tam mộ nại-la (4) tát-phả la ninh tam ma duệ (5) hồng”

ॐ मृदोक्षरं सुखं यम मृदोक्षरं सुखं यम मृदोक्षरं सुखं यम

*)OM SARVA TATHĀGATA PUNYA JÑĀNA ANUMUDANA _ PŪJA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM



_ Nay con khuyến thỉnh các Như Lai

Tâm Đại Bồ Đề, Đấng Cứu Thế

Nguyện xin khắp cả Giới mười phương

Thường kéo mây lớn tuôn mưa Pháp

Khuyến Thỉnh Chân Ngôn là (Phổ Ân)

“Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) thê sái ninh bố nhạ mê già tam mộ nại-la (3) tát-phả la ninh tam ma duệ (4) hồng”

ॐ मृदोक्षरं सुखं यम मृदोक्षरं सुखं यम मृदोक्षरं सुखं यम

*)OM _ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢAṆA PŪJA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM



_Nguyện khiến nơi Phàm Phu cư trú
 Mau buông mọi khổ bám trên thân
 Sẽ được đến nơi **không như bản** (Vô Cấu Xứ)
 An trụ Pháp Thân Giới thanh tịnh

Phụng Thỉnh Pháp Thân Chân Ngôn là (Phổ Thông Ấn)

“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) nại thê sái dạ nhĩ (3) tát phộc tát đất-phộc hệ đa lật-tha dã (4) đạt ma đà đồ tát thể để lật-phộc mặt đồ (5)**”

ॐ स त् न ए न न ह य य म स त् स त् न न ध य व म य तु (ॐ न क य तु

*)OM_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢA YĀMI_ SARVA SATVA HĪTA ARTHĀYA_ DHARMA-DHĀTU STHITIRBHAVATU



_Tất cả Thiện Nghiệp tu hành được
 Lợi ích cho tất cả chúng sinh
 Nay con chân chính hồi hướng hết
 Trừ sinh tử khổ đến Bồ Đề

Hồi Hướng Chân Ngôn là (Phổ Thông Ấn)

“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt-đa (2) niết-ly dã năng bố nhạ mê già tam mộ nại-la (3) tát-phả la ninh tam ma duệ (4) hồng**”

ॐ स त् न ए न न ॐ न न सु न म य स म य म् ॐ न म य ॐ

*)OM_ SARVA TATHĀGATA NIRYĀTANA_ PŪJA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

(Đây vào **Phật Tam Muội** trước để thừa sự Pháp)



Vì khiến Thân Tâm thanh tịnh khắp
 Xót thương cứu nhiếp nơi Ta Người
 Thân tùy chỗ ứng dùng an tọa
 Rõ ràng để quán **Sơ Tự Môn** (Môn chữ A)
 Luân vi (chung quanh vành xe) chín vòng trắng tròn rỗng
 Chính niệm vận tâm **bốn Vô Lượng**
 Vào **Từ** duyên khắp nơi sáu nẻo
 Hữu Tình đều đủ Tạng Như Lai

Ba loại thân khẩu ý Kim Cương
Dùng sức Công Đức ta đã tu
Đồng vào **Phổ Hiền Pháp Giới Thân**
Đại Từ Tam Ma Địa Chân Ngôn là:
“**Án, ma hạ muội đát la-dã sa-phả la**”
ॐ मन्मथस्य ह्रीं
)OM_ MAHĀ-MAITRIYA SPHARA

_ Tâm Bi thương nhớ các Hữu Tình
Chìm đắm sinh tử, vọng phân biệt
Khởi Phiền Não ấy, Tùy Phiền Não
Chẳng đạt Lý Chân Như Bình Đẳng
Vượt quá hà sa các Công Đức
Dùng sức ba Mật ta đã tu
Nguyện khắp ngang bằng **Hur Không Tạng**
Đại Bi Tam Ma Địa Chân Ngôn là:
“**Án, ma hạ ca lô noa dạ, sa-phả la**”
ॐ मन्मथस्य ह्रीं
)OM_ MAHĀ-KĀRUNĀYA SPHARA

_ Tâm Hỷ vô lượng khắp **bốn loài** (Tứ Sinh)
Xưa nay thanh tịnh như hoa sen
Phàm điều tu hành với Hữu Tình
Đồng chứng **Quán Thế Tụ Tại Thân**
Đại Hỷ Tam Ma Địa Chân Ngôn là:
“**Án – Truật đà bát-la mô ná, sa-phả la**”
ॐ सुद्धप्रमोदस्य ह्रीं
)OM – ŚUDDHA PRAMODA SPHARA

_ Tâm Xả thanh tịnh khắp Pháp Giới
Lìa Ngã, Ngã Sở với Uẩn, Xứ
Năng Sở bình đẳng, tâm chẳng sinh
Tính Tướng vốn lặng đồng **Không Khó** (Hur Không Khó)
Đại Xả Tam Ma Địa Chân Ngôn là:
“**Án – Ma hộ bé khất-sái, sa-phả la**”
ॐ मन्मथस्य ह्रीं
)OM_ MAHĀ-UPEKṢA SPHARA

_ Tiếp nên kết **Tam Muội Gia Án** [Định Tuệ (2 bàn tay) chấp lại giữa rỗng, dựng thẳng Không (ngón cái) như cây phượng] hay mãn nhóm Phước Trí, ấy là tịnh trừ ba Nghiệp Đạo.

Chân Ngôn là (dùng **Tam Muội Gia** lúc đầu cho nên đồng với **thân khẩu ý** bí mật của Như Lai, bình đẳng cũng vì tự thọ dụng, cũng vì lập **Đại Bi Thai Tạng Đàn**, cũng vì gia trì quyền thuộc của Như Lai, cũng dùng **Ngũ Xứ Chân Ngôn** đều một biến hay trừ chướng đời trước dùng tịnh thân của mình, khiến cho thân trong sạch cho nên chướng bên ngoài cũng sạch nên các chướng đều chẳng thể nhập vào. Đây là Đại Hộ vậy. Chư Phật cảnh giác mãn ước nguyện ấy vậy. Do chẳng mở Pháp Án cho nên

chẳng hợp lắng nghe tất cả các Pháp. Nếu chẳng làm trước tiên thì chẳng hợp làm các Pháp vậy)

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam** (Quy mệnh tất cả Như Lai) **a tam mê** (Vô Đẳng, ấy là 3 Thân vậy) **đát-ly tam mê** (ba Bình Đẳng, **Pháp Báo Hóa** hợp làm một thân hóa chúng sinh) **tam ma duệ** (Tam Muội Gia) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ ASAME TRISAME SAMAYE _ SVĀHĀ

Vừa kết Ấn này nên
Hay tịnh **Như Lai Địa**
Mãn Địa Ba La Mật
Thành ba Pháp Giới Đạo

_ Tiếp kết **Pháp Giới Sinh**

Tiêu Xí của Mật Tuệ
Tịnh thân khẩu ý nên
Chuyển khắp ở thân phần

Chân Ngôn ấy là (dùng **Tam Muội Gia thứ hai** cho nên liền đồng với Như Lai gia trì thân đặc biệt của Tôn trong cung Pháp Giới. Lại vì thành tựu các Bồ Tát của Thân Pháp Tính, lại vì làm việc của Tỳ Lô Giá Na A Xà Lê, lại vì gia trì quyền thuộc của Liên Hoa Bộ. Hai tay đều riêng nắm quyền, dựng ngón trở ngang ngực hướng vào bên trong mà chuyển, hai đầu từ hai bên đỉnh hướng vào trong kéo lưng ngón trở hướng vào bên trong , dần dần đến trái tim rồi bung tán. Phàm tụng Chân Ngôn tác Ấn ví như 2 cái đầu của trâu cày ruộng cùng tiến một lúc chẳng được trước sau vậy)

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam _ Đạt ma đà đồ** (Pháp Giới) **tát-phộc bà-phộc** (Tự Tính, cũng là Bản Tính vậy) **cú hàm** (Ngã, Ta tức là Pháp Giới. Hành Giả tuy chưa thể **Chân Tính** chỉ dùng Ấn Chân Ngôn liền đồng với Pháp Giới vậy)

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ DHARMA-DHĀTU SVABHĀVAKA-UHAM

Như Tự Tính Pháp Giới
Mà quán nơi thân mình

_ Vì khiến cho bền chắc

Quán ngay **Chấp Kim Cương**

Kim Cương Tát Đỏa Chân Ngôn là (dùng **Tam Muội Gia thứ ba** cho nên khiến cho đất thân của mình đều như Kim Cương và vô lượng chúng Trì Kim Cương mà tự vây quanh. Lại vì chiết phục nhiếp thọ tùy loại chúng sinh, vì sự nghiệp Đệ Tử của Kim Cương lại gia trì quyền thuộc của Kim Cương, vì trang nghiêm thân Kim Cương Tát Đỏa nên nói đủ Tam Muội Gia. Do Chân Ngôn Ấn cho nên khiến Thân Tâm ấy đều tịnh, hay hiện thấy Pháp Luân của chư Phật ở mười phương ba lần tùy chuyển, hay chuyển Đại Pháp Luân vô thượng ở Đại Thiên vậy)

“**Năng mặc** (Quy mệnh, **Năng mô** quy kính) **tam mãn đa** (phô: khắp cả) **phộc nhật-la noãn** (Tất cả Kim Cương) **phộc nhật-la đát ma câu hàm** (là Ngã, là ta)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ VAJRA ATMAKA-UHAM

Đế Quán thân của Ta
Tức là **Chấp Kim Cương**

Tiếp Hoàn Giáp Kim Cương

Nên quán nơi y phục
Khấp Thể sinh ánh lửa
Chân Ngôn ấy là:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn. Án phộc nhật-la** (Kim Cương) **ca phộc già** (Giáp, áo giáp) **hông** (nghĩa là **Nhân**, vì Pháp ba Thừa cho nên luận đủ ba Thân nói nghĩa của Pháp, Quả vị được gọi là **Nhân**, Nhân sinh ra, sinh khởi nghĩa)

ॐ नमः समन्तवाज्रानाम् ॐ वाज्रकवचं हूं ॐ

*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRAÑĀM_ OM VAJRA-KAVACA HŪM

Chữ La (𑖦 _RA) màu trắng tinh

Dùng điêm Không nghiêm sức (𑖦 _ RAM)

Như minh châu cột tóc
Đặt ở trên đỉnh đầu
Bao tội cầu gom chứa
Do đây đều trừ diệt
Phước Trí đều viên mãn
Tất cả chôn ô uế
Nên thêm Tự Môn này
Màu đỏ đủ uy quang
Ánh lửa vây quanh khắp

Tiếp là giảng phục Ma

Chế các loài Đại Chương

Nên niệm Đấng Đại Hộ

“**Vô Năng Kham Nhẫn Minh** (Sức bình đẳng của chư Phật chẳng trụ nơi vắng lặng, hiện phương tiện lớn. Do uy quang ấy mạnh mẽ, như con nít mới sinh chẳng thể kham nổi ánh mặt trời cháy nóng đó. Đây cũng như vậy tất cả chẳng thể kham nổi mà cảm thấy đoạt lấy ánh sáng dội lại. Minh Vương này dùng Chân Ngôn này để hộ cho Hành Giả)

Chân Ngôn ấy là:

“**Năng mặc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-được** (Quy mệnh tất cả Như Lai) **Tát phộc bội dã vĩ nghiệt đế tệ** (hay trừ tất cả , nhóm khủng bố của các chương) **Vĩ thấp-phộc mục khế tệ** (vô lượng các Môn xảo diệu) **tát phộc tha** (Tổng Công Đức của chư Phật) **Hàm Khiếm Phộc Bác tác** (nghĩa của **Không**, Pháp Tràng Cao Phong Quán) **La cật-sái** (ưng hộ) **ma ha mạt lệ** (Đại Lực) **Tát phộc** (tất cả) **đát tha nghiệt đa** (Như Lai) **bôn ni-dã niết tả đế** (Công Đức sinh) **hông hông** (khủng bố hai chương bên trong bên ngoài) **đát-la tra** (quát mạng nhiếp phục phiền não) **đát-la tra** (lời lập lại, đối trị Căn Bản Tùy Phiền Não) **a bát-la để ha đế** (vô đối, vô tỷ lực) **sa-phộc hạ** (cảnh giác tất cả Hiền Thánh nói làm chứng minh)”

ॐ नमः सर्वतथगतभयाहं सर्वा भया विगतभयाहं विश्वामुखेभयाहं सर्वथा हाम् काम् राक्ष महाबाले सर्वा तथगता पुण्या निरजते हूं हूं वाज्रकवचं हूं ॐ

*) NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHAYAḤ_ SARVA BHAYA VIGATEBHAYAḤ_ VIŚVA-MUKHEBHAYAḤ_ SARVATHĀ HAM KHAM_ RAKṢA MAHĀ-BALE_ SARVA TATHĀGATA PUṆYA NIRJATE_ HŪM HŪM TRĀṬ TRĀṬ_ APRATIHAṬE_ SVĀHĀ

Do vừa ghi nhớ, niệm
Các **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka)
Nhóm La Sát hình ác
Tất cả đều chạy tan

Cảnh Phát ở Địa Thần
Nên nói **Kệ** như vậy

(Hai gối quỳ thẳng lưng, tay Định (tay trái) cầm chày để ngang trái tim. Tay Tuệ (tay phải) duỗi năm ngón, để ngang lòng bàn tay ấn mặt đất)

1_ **Đát-noan** (Ngươi, ngài) **nê vĩ** (Địa Thiên, có giọng nữ) **Sa khát-xoa** (hộ giúp) **Bộ đá tất** (gần gũi, đối với)

2_ **Tát phộc** (tất cả) **một đà năng** (Phật, có nhiều tiếng) **đá dịch nam** (vượt qua, có nghĩa là Đạo Sư)

3_ **Tả lý-dã năng dã** (hành) **vĩ thể sái số** (thù thắng)

4_ **Bộ mật** (tĩnh địa) **bá la mật đá** (đến bờ bên kia) **tốc giả** (đẳng, nhóm)

5_ **Ma la** (Thiên Ma) **tế tiện-diễn** (quân chúng) **đát tha** (như) **bà nghiệt nam** (phá)

6_ **Xá cát-dã** (Thích Ca) **tăng tứ năng** (sư tử) **đá dịch nỗ** (cứu thế)

7_ **Đát tha hạ** (như Ta) **ma la** (ma) **nhạ diễn** (giáng) **khất-lật đát-phộc** (phục, hàng phục)

8_ **Mãn noa lăm lịch** (Mạn đồ la: Đạo Trường) **lạc khư dạ** (tô vẽ) **một-duợc hàm** (Ngã, ta)

“Ngài, Thiên Nữ hộ giúp (**Tvaṃ Devī sākṣi putāsi**)

Nơi chư Phật Đạo Sư (**Sarva Buddhāna Tāyināṃ**)

Tu hành Hạnh thù thắng (**Caryā Naya Viśaṣaitta**)

Tĩnh Địa Ba La Mật (**Bhūmi Pāramitā suca**)

Như phá chúng Ma Quân (**Māra Senyaṃ yathā bhagnaṃ**)

Thích Sư Tử cứu thế (**Śākya siṃhena Tāyina**)

Ta cũng giáng phục Ma (**Tatha ahaṃ māra jayaṃ kṛtva**)

Ta vẽ Man Trà La (**Maṇḍalaṃ leḥ likhā myahaṃ**)”

.)**Địa Thần Trì Thứ Độ Chân Ngôn** là (Kim Cương Phộc, mở lòng bàn tay, ngửa đê tập 21 lần, che đê cũng lại như thế, liền thành đất bền chắc)

“**Án, bệc khiếm**”

ॐ ॐ ॐ

*)OM_ BHUH_ KHAM

_ **Tác Đàn Chân Ngôn** là:

“**Án, nan đà nan đà, na trí na trí, nan đà bà lý, sa-phộc hạ**”

ॐ न न क्ष न न न न न न न न न न न न

*)OM_ NANTA ANANTA NAṬI NAṬI NANTA VARE SVĀHĀ

_ **Sái Tịnh Chân Ngôn** là [Định Quyên (quyên trái) đặt bên cạnh eo, Tuệ Thủ (tay phải) duỗi bung Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) cùng vịn nhau, rải tịnh khắp năm nơi trên thân. Tiếp hương, hoa, thức ăn uông, quần áo, kết Giới]

“**Năng mạc tam mãn đà một đà nam (1) a bát-la để sa mê (2) nga nga năng sa mê (3) tam mãn đà nỗ nghiệt đế (4) bát-la cật-lý để vĩ truật đệ (5) đạt ma đà đô vĩ thú đà ninh (6) sa-phộc hạ**”

नमःसमग् वृ ह् न् न् स्रु व (समन् गगन समन् समग् वृ गन् स्रु व (अ
सु ह् न् व म् व सु (अ व (अ न् स्रु न् +

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ APRATI-SAME GAGANA-SAME,
SAMANTA ANUGATE PRAKṚTI VIŚUDDHE DHARMA-DHĀTU VIŚODHANI SVĀHĀ

_Chư Phật Từ thương xót Hữu Tình
Nguyễn xin nhớ nghĩ đến chúng con
Nay con thỉnh bạch các Hiền Thánh
Kiên Lao Địa Thiên với quyền thuộc
Tất cả Như Lai với Phật Tử
Chẳng bỏ Bi Nguyễn đều giáng lâm
Con chọn đất này cầu thành tựu
Xin hãy chứng minh, gia hộ con

Trì Địa Chân Ngôn là [Định Quyền (quyền trái) như trước, cùng với Tuệ (tay phải) duỗi đè ở mặt đất]

“**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) địa sắt tra năng, địa sắt xỉ đế (3) a tá lệ (4) vĩ ma lệ (5) sa-ma la nĩ (6) bát la cật-lý để bát lý du thê (7) sa-phộc hạ**”

नमःसमग् वृ ह् न् न् स्रु व (समन् गगन समन् समग् वृ गन् स्रु व (अ
सु ह् न् व म् व सु (अ व (अ न् स्रु न् +

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SARVA TATHĀGATA
ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE ACALA VIMALĒ SMARAṆE PRAKṚTI
PARIŚUDDHE SVĀHĀ

_Bấy giờ, Đức Bạc Già Phạm quán sát tất cả Pháp Giới, nhập vào **Pháp Giới Câu Xá** (Dharma-dhātu-kośa: Pháp Giới Tạng) dùng Tam Muội Như Lai **Phân Tấn Bình Đẳng Trang Nghiêm Tạng**, từ thân biểu thị hóa mây, khắp trong các lỗ chân lông tuôn ra vô lượng vị Phật để hiển hiện Pháp Giới trang nghiêm vô tận, đem Môn **Chân Ngôn Hạnh** đó độ Giới Chúng Sinh không dư sót, đầy đủ bản nguyện. Từ mọi **Thanh Môn** (Môn về âm thanh) tuôn ra âm thanh tùy theo từng loại giống như: Bản Tính nghiệp sinh thành tựu thọ dụng quả báo của họ. Hiển hiện hình, các màu sắc, mỗi loại ngôn ngữ, Tâm ghi nhớ của họ mà nói Pháp khiến cho tất cả chúng sinh đều được vui vẻ.

Triển chuyển gia trì xong lại quay về vào trong cung Pháp Giới, lại bảo Cháp Kim Cương Bí Mật Chủ rằng: “Bí Mật Chủ! Có Pháp tạo lập Man Trà La: Thánh Tôn Phần Vị, chúng tử, tiêu xí (cờ biểu). Ông nên lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ! Nay Ta diễn nói **Ưu Đà Na** là: (5 loại Tam Muội Gia. Một là Bản Tôn, hai là Chân Ngôn, ba là Mật Ấn, bốn là Tam Muội, năm là Chúng Tử)

Chân Ngôn biến Học Giả
Thông đạt Đàn Bí Mật
Như Pháp vì Đệ Tử
Thieu hết tất cả tội
Thọ mệnh đều đốt hết
Khiến nó chẳng sinh lại
Cùng với tro tàn xong
Thọ mệnh ấy hoàn lại
Là dùng Chử đốt Chử

Nhân Chử mà liền sinh
Tất cả Thọ với sinh
Thanh tịnh khắp không dơ
Dùng mười hai chi Cú
Mà làm nơi Khí ấy
Tam Muội Gia như vậy
Tất cả các Như Lai
Bồ Tát, đấng Cứu Thế
Vớ Phật, chúng Thanh Văn
Cho đến các Thế Gian
Bình đẳng chẳng trái ngược
Giải **Thệ bình đẳng** này
Mạn Đồ La bí mật
Vào tất cả Pháp Giáo
Các Đàn đều tự tại
Thân Ta ngang đẳng ấy
Bạc Chân Ngôn cũng vậy
Dùng **Bất Tương dị** (chẳng khác nhau) nên
Nói tên **Tam Muội Gia** (Samaya)
Trước mặt quán chử **La** (ீ _ RA)
Là ánh lửa sáng sạch
Như mặt trời sáng sớm
Niệm tiếng, Nghĩa chân thật
Hay trừ tất cả Chướng
Giải thoát dơ ba Độc
Các Pháp cũng như vậy
Trước tự tịnh đất Tâm
Lại tịnh đất Đạo Trường
Đều trừ mọi lầm lỗi
Tướng ấy như hư không
Như Kim Cương Sở Trì
Đất này cũng như vậy
Trụ Bản Tôn Du Già
Dùng thêm năm chi Chử
Đẳng Dẫn rời vận tướng
Liên đồng **Mâu Ni Tôn**

Chử A (ீ) màu vàng ròng
Dùng làm Kim Cương Luân
Gia trì ở thân dưới
Nói tên **Du Già Tọa**

Chử Noan (ீ _ VAM) ánh trắng trắng
Ở bên trong sương mù
Gia trì ngay trên rốn
Tên là **Đại Bi Thủy**

Chử Lãm (ீ _ RAM) sơ nhật huy (ánh mặt trời mới mọc)

Màu đỏ trong tam giác
Gia trì trái tim mình
Gọi là **Trí Hỏa Quang**

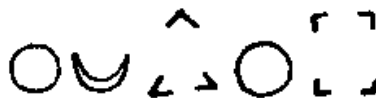
Chữ **Hàm** (𑂇 _ HAM) lửa kiếp tai
Màu đen tại Phong Luân
Gia trì mé Bạch Hào (chân tóc trên tam tinh)
Nói tên **Tự Tại Lực**

Chữ **Khư** với điểm Không (𑂗 _ KHAM)
Tưởng thành tất cả màu
Gia trì trên đỉnh đầu
Tên gọi là **Đại Không**

Năm Chữ dùng nghiêm thân
Khuôn uy đức sáng rực
Diệt trừ mọi nghiệp tội
Thiên Ma, loài gây chướng
Thấy Kim Cương hách dịch
Bách Quang Vương trong đầu
Tim đề câu **Vô Sinh**
Ngực lộ chữ **liả nhiễm**
An lập mắt **Vô Cấu** (không dư bản)
Quán thân đồng Như Lai
Lại niệm câu Mãn Túc
“**Nặng mạn tam mạn đa một đà nam. A noan lăm ham khiếm**”

𑂇𑂗𑂇𑂗𑂇𑂗𑂇𑂗𑂇𑂗𑂇𑂗𑂇𑂗𑂇𑂗𑂇𑂗𑂇𑂗

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ A VAṂ RAṂ HAṂ KHAM



An lập Khí Thể Gian (cõi vật chất)
Không (hư không), Phong (gió) ở tận dưới
Tiếp quán Hỏa (lửa) Thủy (nước) Địa (đất)
Là Luân đồng Kim Cương
Tên **Đại Nhân Đà La**
Ánh lửa màu vàng sạch
Thấy đều lưu xuất khắp
Tiếp nên niệm trì đất
Như vẽ mọi hình tượng



_Bấy giờ Bạc Già Phạm

Quán sát Đại Chúng Hội
Bảo **Bí Mật Chủ** rằng:
“Có Pháp Giới Tiêu Xí (cờ biểu, vật biểu tượng)
Do đây trang nghiêm thân
Trải qua trong sinh tử
Ở Đại Hội Như Lai
Tiêu Xí Bồ Đề Tràng
Các Trời Rồng, Dạ Xoa
Cung kính mà thọ giáo

Ấn đầu, **Phật Tam Muội**



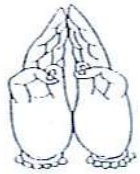
Pháp Giới với **Pháp Luân**



Khế Già [Khadga:Đao Ấn] quy mệnh hợp {Quy Mệnh Hợp Chương}
Co Phong (ngón trỏ) Không Luân (ngón cái) gia [bên cạnh móng ngón]



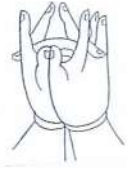
Pháp Loa, Hư Tâm Hợp {chấp tay lại giữa trống rỗng}
Phong (ngón trỏ) cột trên Không Luân (ngón cái)



Cát Tường Nguyên Liên Hoa



Kim Cương Đại Huệ Ấn



Ma Ha, Như Lai Đỉnh



Tuệ Quyền (quyền phải) Hào Tướng Tạng



Du Già, tướng ôm bát



Tay Trí Tuệ (tay phải) dơ lên Tên Vô Úy Thí Giả



Rũ xuống hiệu **Mãn Nguyệt** (hướng lòng bàn tay ra bên ngoài)



Tuệ Quyền (quyền phải) duỗi Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh) Bậc Trí thành **Phật Nhân**



Nội Phộc, Phong Luân (ngón trỏ) **Sách** [sợi dây to]



Tâm Ấn duỗi Hỏa Luân (?duỗi ngón trỏ và ngón giữa rồi hơi co lại)



Duỗi Thủy (duỗi thêm ngón vô danh) **Như Lai Tề**



Ấn trước, Phong (ngón trỏ) vào nguyệt (lòng bàn tay)
Tên là **Như Lai Yêu**



Thứ tự tập Chân Ngôn

Đại Huệ Đạo Chân Ngôn là (Kim Cương Hợp Chương chúng gọi là **Quy mệnh**. Đạo dụ cho **Trí sắc bén** nghĩa là hay trừ cắt, trừ ngọn núi **Ác Kiến** như ngọn của núi lớn khiêu chọc rồi loạn rất nhiều, phiền não cũng vậy. Nay Ấn này hay cắt hại Thân Kiến với Sinh Kiến, 62 Kiến.... Đạo này tức Đại Trí, hoặc nói là **Định Tuệ** hư tâm hợp, hay chặt đứt các phiền não, được Pháp Thân không dơ)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) ma ha khiết già vĩ la nhạ (2) đạt ma san nại-la xa ca sa la nhạ (3) tát đắc-ca dã nại-lật sắt xỉ thể nặc ca (4) đát tha nghịet đa vĩ mục cật-đế nễ tá đa (5) vĩ la nga đạt ma nễ nhạ đa, hồng (6)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय । नमो भगवते वासुदेवाय । नमो भगवते वासुदेवाय ।
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय । नमो भगवते वासुदेवाय । नमो भगवते वासुदेवाय ।

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ-KHAḌGA VIRAJA DHARMA SAMDARŚAKA SAHAJA SATKĀYA-DRṢṬI CCHEDAKA TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJATA VIRĀGA DHARMA NIRJATA HŪM

Đại Pháp Loa Chân Ngôn là (gắn miệng thổi, như dạng thổi loa, xoay chuyển trái phải)

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam** **Am** (liền được mãn tất cả Nguyên lành, tuyên nói Đại Pháp được Văn Trì. Đây là Tịch Tĩnh Niết Bàn Ấn)

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AM

Liên Hoa Tọa Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam** **A** (Kim Cương Tọa. Do ngồi đây cho nên chư Phật từ đây sinh. Ấn tên là Cát Tường Tọa, Kim Cương Bất Hoại, A sinh chư Phật)

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ

Kim Cương Đại Huệ Chân Ngôn là (Ngũ Phong Ấn)

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn** **Hồng**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ HŪM

Như Lai Đỉnh Chân Ngôn là (liền đồng Nhân Giả, thân của chư Phật. Ấn Đỉnh Ấn trên đỉnh đầu tướng Phật vào trong thân, viên mãn tướng tốt)

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam** **Hồng hồng** (đủ ba nghĩa Giải Thoát. Lúc đầu là Nhân, lúc sau là Quả. **Nhân** là Hạnh của Như Lai, **Quả** là Phật)

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HŪM HŪM

Như Lai Đỉnh Tướng Chân Ngôn là (A Xà Lê, tay phải nắm Quyền để trên đỉnh đầu gia trì thì tất cả các Thiên Thần chẳng thể thấy tướng của đỉnh đầu)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam** (Thể) **Nga nga năng** (hư không vô lượng) **nan đa sa-phả la ninh** (phổ biến) **vĩ truật đà** (thanh tịnh) **đạt ma nễ nhạ đế** (Pháp Giới sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAGANA ANANTA SPHARAṆA VIŚUDDHE DHARMA NIRJATE SVĀHĀ

Hào Tướng Tạng Chân Ngôn là [Tuệ Quyền (quyền trái) để ở tam tinh tòa hào quang khắp mười phương, hay mãn nguyện, là nhân của Giới trong sạch]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. A hàm nhạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ HAM JAḤ

Đại Bát Chân Ngôn là (tay cầm áo cà sa, góc áo bên trong với góc áo đắp vai quấn quanh khuỷu tay đều đưa vào trong bàn tay khiến cho hai góc áo như hai lỗ tai. Lại đưa hai tay lên trên ngang lỗ rốn như hình cầm cái bát đồng với Như Lai cầm **Cà Sa**. Nghi thức thuộc tiêu xí của chư Phật khiến cho chúng sinh chẳng phải là vật khí có thể làm Pháp Khí)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Bà** (tức là ba Hữu. Dùng **Bản Bất Sinh** (vốn chẳng sinh) cho nên lia ba Hữu mà được Hữu chân thật của Như Lai, ấy là Pháp Thân của chư Phật)

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ BHAḤ

Thí Vô Úy Chân Ngôn là (Tay trái như trước cầm hai góc áo. Ấn này hay trừ mọi thứ lo âu, tai nạn của tất cả chúng sinh, liền được đều ngưng dứt, cũng trừ mọi việc rất đáng sợ thuộc đời vị lai)

“**Năng mạn tam mạn đà một đà nam. Tát phộc tha** (khấp cả) **nhĩ na nhĩ na** (Thắng. **Nhĩ Na Nhĩ Na** là Tồi Vi Thắng, hay thắng kẻ khác. Khởi đầu lìa Phiền Não của Di Sinh, tiếp lìa phiền não của Nhị Thừa, lời nói lập lại) **bội dĩ năng xa na** (trừ sự sợ hãi) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समस्त बुद्धैर्नमस्तु सर्वथा जिन जिन भया नशाना स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SARVATHĀ JINA JINA _ BHAYA NĀŚANA_ SVĀHĀ

Dữ Nguyệt Mãn Chân Ngôn là (Cầm áo như trước. Hướng lòng bàn tay ra bên ngoài như ban cho nước)

“**Năng mạn tam mãn đà một đà nam, phộc la na** (ban cho) **phộc nhật-la** (Kim Cương) **đát-ma ca** (Ngã, thân. Ý nói rằng: Nguyệt chư Phật ban Thân Kim Cương cho con, cũng là trao Thân Đại Trí cho con, tức là mãn ước nguyện ấy vậy) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समस्त बुद्धैर्नमस्तु वरद वरुणेश स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VARADA VAJRA-ATMAKA_ SVĀHĀ

Bi Sinh Nhân Chân Ngôn là [Địa (ngón út) Phong (ngón trở) đê lưng Không (ngón cái), ngược bàn tay ba lần điểm tô mắt thành **Kim Bê Trừ Ám Mô Ấn**. Trước tiên bên phải, tiếp đến mắt bên trái. Dùng phương tiện bí mật này hay tịnh nhãn căn thành tựu mắt Phật được thấy cảnh giới thâm sâu bí mật của Như Lai. Con mắt thịt (Nhục Nhãn) thấy tất cả hình sắc, Thiên Nhãn thấy tâm của tất cả chúng sinh, Tuệ Nhãn thấy cảnh giới, các căn của tất cả chúng sinh; Pháp Nhãn thấy tướng như thật của tất cả Pháp. Phật Nhãn thấy mười Lục. Trích từ **Kinh Hoa Nghiêm, 57]**

“**Năng mạn tam mãn đà một đà nam. Nga nga năng** (Hư không) **phộc la** (Nguyệt) **lạc cật-xoa ninh** (tất cả Tướng) **ca lỗ noa** (Bi: lòng thương xót) **ma dã** (Thê) **đát tha nghịệt đà** (Như Lai) **tác cật-sô** (Nhân, con mắt) **sa-phộc hạ**

ॐ नमः समस्त बुद्धैर्नमस्तु गगन वर लक्षणा करुणामया तथगत ककुषु स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAGANA VARA LAKṢAṆA KĀRUṆI-MAYA_ TATHĀGATA-CAKṢU_ SVĀHĀ

Như Lai Sách Chân Ngôn là (Sợi dây này sinh ra từ trong **Tín Giải** của Như Lai. Do trong sức Tín Giải mà hiện mọi thứ hình loại, hoặc làm Phần Nộ, hoặc làm Trì Minh có thể của Đại Lực nhiếp hóa Hữu Tình)

“**Năng mạn tam mạn đà một đà nam. Hệ hệ** (Hô triệu, nhiếp nghĩa của Nhân Hữu Tam Muội, hô nhân thành Phật. Nhân này vốn chẳng sinh, lìa tướng nhân quả khiến cho người này trong sạch mà lại có quả tịnh) **ma hạ bá xả** (Sợi dây to lớn) **bát-la sa lao** (sợ hãi) **na lý-dã** (như trống rỗng) **tát đồa** (Hữu Tình) **đà đồ** (Giới, Hữu Tình Giới mà nhiếp) **vi mô ha ca** (trừ Si) **đát tha nghịệt đà** (Như Lai) **địa mục cật-đế** (sinh Tín Giải. Lúc chư Phật hành Đạo Bồ Tát thời lập **Đại Thệ** độ tất cả chúng sinh. Nay dùng nhân này chủ yếu thành quả. Nếu trụ vào niềm vui giải thoát chẳng nhớ Bản Thệ

tức trái ngược với Bản Nguyên. Đây cũng gọi là Si, trừ Si này cho nên khiến cứu cánh luôn làm việc Phật) **nễ** (Sinh) **tá đa, sa-phộc hạ** (Hay cột trói với phá hoại loài gây chướng, theo sức Tín Giải sinh ra, hay hiện mọi loại hình. Bốn Nhiếp độ Hữu Tình, kết trừ gió tán loạn)

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः सत्त्वाध्यायस्य समस्तस्य सर्वस्य सुखस्य सुखस्य
नमः नमः सुखस्य सुखस्य सुखस्य

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HE HE MAHĀ-PĀŚA_ PRASARA UDĀRYA SATVA-DHĀTU VIMOHAKA_ TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJATA_ SVĀHĀ

Như Lai Tâm Chân Ngôn là (Chẳng dời ngón tay lúc trước, duỗi Hỏa (ngón giữa) cùng kèm song song rồi hơi co lại. Hay sinh Đại Huệ, Từ Thiện sâu rộng, phương tiện to lớn)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam, chỉ-nhương nộ** (Trí. Tức Trí của chư Phật. Trí này chẳng từ chỗ khác mà được, hoàn toàn theo Tâm Phật sinh ra) **ôt-bà phộc** (sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः सुखस्य सुखस्य सुखस्य

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JÑĀNA UDBHAVA_ SVĀHĀ

Như Lai Tê Chân Ngôn là (A **Mật Lật** là Cam Lộ. Cam Lộ là tên riêng của Trí, hay trừ nhiệt não của thân tâm. Được uống vào thì thân sống lâu, chẳng già chẳng chết. Có Tâm Ấn hơi co...))

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. A một-lật đô** (Cam Lộ trừ nhiệt não của thân tâm) **ôt-bà phộc** (sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः अमृताय नमः सुखस्य सुखस्य सुखस्य

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AMṚTA UDBHAVA_ SVĀHĀ

Như Lai Yêu Chân Ngôn là [Tuệ Thủ (Tay phải) Địa Thủy Hỏa Phong (ngón út, ngón vô danh, ngón giữa, ngón trỏ) như trước đều hơi co lại thành Tự Tính của sắc thân màu nhiệm của Phật, thành Thánh Trí]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam, đất tha nghiệt đa** (Như Lai) **tam sa phộc** (sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः नमः नमः सुखस्य सुखस्य सुखस्य

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATA SAMBHAVA_ SVĀHĀ

Tạng Ấn Hư Tâm Hợp (Hư Tâm Hợp Chưởng)
Co Phong (ngón trỏ) đè Không Luân (ngón cái)
Luân Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) hơi co



Phổ Quang Hỏa (ngón giữa) chéo trong
Không (2 ngón cái) vào, bung Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh)
Dụng Địa Luân (ngón út) hợp nhau



Giáp Ấn, Hư Tâm hợp (Hư Tâm Hợp Chương)
Phong (ngón trỏ) Tràng (cây phượng) đê lung Hỏa (ngón giữa)



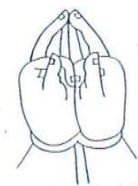
Thiệt Tướng, hai Không vào (có 2 ngón cái vào bên trong)



Ngũ Môn, Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) tròn
Kèm Không (ngón cái) giống cái miệng



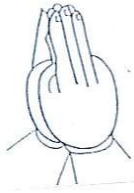
Nha Ấn, Phong (ngón trỏ) vào chương (dựa theo lúc trước)



Biện Thuyết hai Phong Luân (2 ngón trỏ) [dựa theo Ấn lúc trước]
Cạnh lóng ba của Hỏa
Không Luân (ngón cái) hơi lay động



Thập Lực Liên Hoa Hợp (Liên Hoa Hợp Chương)
Co Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào trăng (lòng bàn tay)
Trong chương, lóng (Lóng tay) hợp nhau



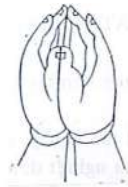
Niệm Xứ Phong (ngón trỏ) vịn Không (ngón cái) [dựa theo Ấn lúc trước]



Khai Ngộ, móng Phong (ngón trỏ) tròn
Địa (ngón út) , Thủy (ngón vô danh) Không (ngón cái) vào chưởng (lòng bàn tay)

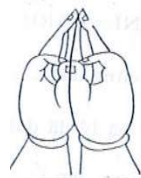
Phổ Hiền Như Ý Châu

Liên Hợp , Phong (ngón trỏ) đè Hỏa (ngón giữa)
Lóng trên như hình bấu



Từ Thị Ấn theo trước

Co Phong (ngón trỏ) dưới Hỏa Luân (ngón giữa)
Không (ngón cái) hiển Diệu Quân Trì



Như Lai Tạng Chân Ngôn là (trừ bỏ hai chưởng dư bản, ngộ thân thanh tịnh của Phật)

“**Năng mạc tát phộc đát tha nghiệt đề tệt. Lam lam** (hai lần trừ sự dư bản của Phàm Phu) **lạc lạc** (hai lần trừ sự dư bản của Nhị Thừa) **sa-phộc hạ**”

𑖀𑖩: 𑖀𑖩 𑖀𑖩 𑖀𑖩 𑖀𑖩 𑖀𑖩: 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀𑖩 𑖀

*) NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ RAM RAM RAḤ RAḤ SVĀHĀ

Phổ Quang Chân Ngôn là (cũng gọi là **Viên Quang**)

“**Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Nhập-phộc la** (quang, ánh sáng) **ma lý nễ** (man, vòng hoa. Dùng ánh lửa làm Man Luân xoay tròn chẳng dứt nên gọi là **Viên Quang**) **đát tha nghiệt đa lật-chỉ** (hào quang trắng sáng của Thể Như Lai) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् ज्वाला मालिनी तथगतार्चि स्वाम्हा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JVALA-MĀLINI TATHĀGATA ARCI_ SVĀHĀ

Như Lai Giáp Chân Ngôn là [Định Tuệ hư tâm hợp (chắp 2 tay lại giữa trống rỗng). Phong (ngón trỏ) giữ bên cạnh Hỏa Luân (ngón giữa), Không (ngón cái) lia Hỏa (ngón giữa) như hạt tiêu mạch. Như **Nhất Sinh Bồ Xứ Bồ Tát** cần phải mặc áo giáp Bồ Đề vô thượng này, ngồi ở tòa Kim Cương giáng phục tất cả quân Ma thành Chính Giác. Chân Ngôn Giả cần phải mặc áo giáp này làm việc Phật]

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Bát-la chiến noa phộc nhật-la nhập-phộc la** (quang, ánh sáng) **vĩ sa-phồ la** (biển, khắp cả) **hồng**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् प्रवृत्त वज्र ज्वाला विश्वरूपं

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PRACAṆḌA VAJRA-JVALA VISPHURA_ HŪM

Như Lai Thiệt Tướng Chân Ngôn là (được Pháp Âm của cái lưỡi Như Lai tràn khắp mười phương. Thường nói lời như thật, lời chẳng dối trá, chẳng mê hoặc, lời chẳng khác. Do chân thật nên thường trụ)

Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Đát tha nghiệt đa (Như Lai) **nhĩ ha-phộc** (Thiệt, cái lưỡi) **tát đế-dã** (Đế, sự chân thật) **đạt ma** (Pháp) **bát-la để sắt-xỉ đa** (thành tựu Pháp Thể của **Thật Đế**) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् तथगतार्चि शिवा सत्यधर्म प्रतिष्ठिता स्वाम्हा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATA-JIHVA SATYADHARMA PRATIṢṬITA_ SVĀHĀ

Như Lai Ngũ Chân Ngôn là (Ấy là lời này sinh từ vô lượng môn Xảo Tuệ của Như Lai)

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Đát tha nghiệt đa, ma ha phộc cật đát-la** (Ngũ, lời nói) **vĩ thấp-phộc chỉ-nương năng** (mọi loại Xảo Trí) **ma hộ na dã** (lớn rộng) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् तथगतार्चि मन्त्र वक्त्र शिवात्मिका मन्त्रद्वयं स्वाम्हा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATA MAHĀ-VAKTRA VIŚVA JÑĀNĀM MAHODAYA_ SVĀHĀ

Như Lai Nha Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Đát tha** (Như) **nghiệt đa** (Lai) **năng sắt-tra-la** (Nha, răng nanh) **la sa la sa** (Vị, mùi vị. Vị trung thượng của vị) **cật-la tham bát-la bác ca** (đắc, đạt được) **tát phộc đát tha nghiệt đa** (Như Lai) **vĩ sai dã** (cảnh giới) **tham bà phộc** (sinh) **sa-phộc hạ**:

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् तथगतार्चि संसृष्टं [सं]संयुक्तं संप्रपक्वं सत् तथगतार्चिं शिवात्मिका स्वाम्हा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATA-DAMṢṬRA_ RASA RASA AGRA SAṀPRĀPAKA_ SARVA TATHĀGATA-VIṢAYA SAṀBHAVA_ SVĀHĀ

Như Lai Biện Thuyết Chân Ngôn là (do Ấn này cho nên ở trong **Chúng** không có sợ hãi, vì người diễn nói Chính Pháp cho đến trong một chữ hàm chứa nghĩa không cùng tận, biện tài chẳng cùng tận)

Từ Thị Bồ Tát Chân Ngôn là (trụ **Phát Sinh Phổ Biến Đại Từ Tam Muội.**
Ấn đồng với Chư Phật Tốt Đồ Ba)

“**Năng mạt tam mãn đả một đả nam. A nhĩ đản** (Xưa nói là **A Dật Đa** nghĩa là Vô Thắng. Tất cả Ái Kiến Thiền Não với Nhị Thừa không có thể thắng được) **nhạ đả** (được thắng. Ở trong Vô Thắng được thắng) **tát phộc tát đát-phộc** (tất cả chúng sinh) **xa đả** (Tĩnh, Tâm Tĩnh. Ấy là các căn tính dục đã gom chứa ở đời trước) **nỗ nghiệp đả** (biết. Hay biết rõ các căn tính dục của chúng sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ मः समं न व दं नं नृ

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AJITAM JAYA SARVA SATVA ŚAYA ANUGATA SVĀHĀ

Thời Đức Phật trụ **Cam Lộ Sinh Tam Muội** nói **Nhất Thiết Tam Thế Vô Ngại Lực Minh Phi Chân Ngôn** là (Định Ấn và Hư Không Nhãn Phi của quyển thứ hai cùng dùng giống nhau)

“**Đát nê-dã tha (1) nga nga năng tam mê (2) a bát-la để tam mê (3) tát phộc đát tha nghiệp đả tam ma đả nỗ nghiệp để (4) nga nga năng tam ma (5) phộc la lạc khát-xoa nãi (6) sa-phộc hạ**”

ॐ तद्यथै तान् मयं नृ

*)TADYATHĀ: GAGANA SAME APRATI SAME SARVA TATHĀGATA ANUGATE GAGANA-SAMA VARA LAKṢANE SVĀHĀ

Vô Năng Hại Lực Minh Phi Chân Ngôn là (Dùng Phạm Giáp Ấn, 8 biến. Từ Định lúc trước , khởi rời nhập vào Vô Lượng Thắng Tam Muội)

“**Năng mạt tát phộc đát tha nghiệp để tỳ-dược (1) tát phộc mục khế tỳ-dược (2) a tam mê (3) bát la mê (4) a giả lệ (5) nga nga nê tát-ma la nãi (6) tát phộc đát-la nỗ nghiệp để (7) sa-phộc hạ** (Minh này. Ý tại cảnh phát chư Phật khiến nhớ lại Bản Thệ sau đó điều màu sắc bên dưới)”

ॐ मः स त् नृ

*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA MUKHEBHYAḤ ASAME PARAME ACALE GAGANE SMARANE SARVATRA ANUGATE SVĀHĀ

Nghiêm tĩnh quốc độ Phật
Phụng sự các Như Lai
Để quán (chân thật quán) biển nước thơm

Đại Hải Chân Ngôn là (hai Ấn Tướng cùng trợ nhau cài chéo, bung duỗi hai Không (2 ngón cái) xoay theo bên phải, là **Hải Thủy Ấn**. Dựa theo Ấn trước, móng của Hữu Phong (ngón trỏ phải) đè mặt của Tả Phong (ngón trỏ trái). Định chi Bất Động tức Bát Công Đức Thủy Ấn)

“**Ấn, vĩ ma lỗ na địa, hồng**”

ॐ वमलदधि हूं

*)OM VIMALA UDADHI HŪM

Kim Cương Thủ cầm hoa (Nội Ngũ Trí Ấn)

Phộc_ Phộc nhật-la bá nê (đây là Đại Chân Ngôn Vương Ấn.Dùng miệng truyền)

ॐ वज्रपद्मे

*)VA_ VAJRA-PĀNE

Đem **Diệu Liên Hoa Vương**

Đặt ở **Thai Tạng Giới**

(Dùng miệng truyền Ấn trên. Bí mật trao **bốn Đạo**)

Nhóm Chính Giác tối sơ (khởi đầu)

Đặt bày Mạn Đồ La

Bí mật ở trong mật

Đại Bi Thai Tạng Sinh

Với vô lượng Thế Gian

Mạn Đồ La xuất thế

Hết thầy Đồ Tượng ấy

Thứ tự nói, nên nghe

Vòng quanh khắp bốn phương

Một cửa với lối đi (thông đạo)

Ấn Kim Cương nghiêm khắp

Giữa: **Yết Ma Kim Cương**

Hoa sen lớn ở trên

Cọng Kim Cương xinh đẹp (diệu sắc)

Tám cánh đủ rây nhụy

Mọi báu tự trang nghiêm

Hé nở đây quả trái

Ở **Ấn Đại Liên** ấy

Điêm Đại Không trang nghiêm

Câu **mười hai Chi Sinh**

Khắp cả trong đài hoa

Tuông tuôn vô lượng quang (vô lượng ánh sáng)

Trăm ngàn sen vây quanh

Trên đó lại quán tưởng

Tòa Đại Giác Sư Tử

Dùng Bảo Vương (vật báu đứng hàng đầu) nghiêm sức

Ngay trong cung điện lớn

Bày cột báu thành hàng

Khắp nơi có phướng, lọng

Các chuỗi ngọc xen nhau

Rũ treo áo báu đẹp (diệu bảo)

Mây hương hoa vòng khắp

Cùng với mọi mây báu

Tuôn mưa đủ loại hoa

Thơm phức trang nghiêm đất

Tiếng hòa vận êm tai

Tấu diễn các âm nhạc

Trong Cung tưởng tĩnh diệu (trong sạch màu nhiệm)

Hiền Bình với Át Già

Cây vua báu (Bảo Thọ Vương) nở hoa

Đền Ma Ni soi chiếu
Tam Muội, đất Tổng Trì
Thê nữ của Tự Tại
Nhóm Phật Ba La Mật
Hoa Bồ Đề diệu nghiêm
Phương tiện tác mọi kỹ
Ca vịnh âm Diệu Pháp
Cúng dường các Như Lai

Dùng lực Công Đức Ta
Lực Như Lai gia trì
Cùng với lực Pháp Giới
Cúng dường khắp mà trụ (Phổ Ấn)

Kết Đại Luân Đàn Ấn
Tiếp Chúng Sắc Giới Đạo
La (𑖀-RA) [màu trắng, chính giữa] **Lãm** (𑖀-RAM) [màu đỏ, cây phượng]
Ca (𑖀-KA) [màu vàng, bông hoa] **Ma** (𑖀-MA) [màu xanh, đầy khắp] **Ha** (𑖀-HA) [màu đen, Âm Giới Đạo. Kim Cương Tuệ Ấn]

Quán trong **Trung Thai** ấy [Chủng Tử của các Tôn, mỗi mỗi phải an bày rõ ràng. Trước tiên tưởng vòng ánh sáng tròn trịa (Viên Quang)]
Vành trắng trong sáng khắp
Chính giữa đề chữ **A** (𑖀)

Tiếp nên chuyển chữ **A**
Thành **Đại Nhật Mâu Ni**
Thanh tịnh lìa các dơ
Diệu sắc vượt ba cõi
Áo sa lưa nghiêm thân
Mão báu buông tóc rũ
Tam Ma Địa **Tịch Nhiên**
Lửa sáng hơn ánh điện
Giống như trong gương sạch
Sâu thăm hiện hiện dung
Hiện hình sắc vui, giận
Cầm giữ nhóm **Dữ Nguyện**
Thân tương ứng chính thọ
Tâm sáng tỏ không loạn
Vô Tướng tịnh Pháp Thê
Ứng nguyện cứu quần sinh
Dùng tám Mạn Đồ La
Quyên thuộc tự vây quanh

Tiếp, Đông: **Biến Tri Ấn**
Phương Bắc: **Quán Tự Tại**
Nam đề **Kim Cương Thủ**
Y phương Niết Ly Đề (phương Tây Nam)

Bất Động Như Lai Sứ
Phong phương (phương Tây Bắc) **Thắng Tam Thế**
Bốn phương bốn **Đại Hộ**
Cửa đầu (sơ môn) **Thích Ca Văn**
Thứ ba **Diệu Cát Tường**
Phương Nam **Trừ Cái Chướng**
Thắng phương (phương Bắc) **Địa Tạng Tôn**
Long Phương (phương Tây) **Hư Không Tạng**
Quyên thuộc **Tô Tất Địa** (Susidhi: Diệu Thành Tự)
Trời **Hộ Thế** uy đức
Theo thứ tự phân bày

_Tiếp nên bung lò hương

Tĩnh Trì Chân Ngôn là:

“**Án, tô tất địa yết lý, nhập phộc lý đa năng nam đa mô la-đa duệ, nhập-phộc la nhập-phộc la, mãn đà mãn đà, hạ năng hạ năng, hồng, phán tra**”

ॐ श्रम(देव)। ह्र(देव) श्रम्य ह्र ह्र वष वष ह्य ह्य
ॐ ह्र

*)OM_ SUSIDDHI-KARA_ JVALITA_ ANANTA_ MURTTAYE_ JVALA_ JVALA_ BANDHA_ BANDHA_ HANA_ HANA_ HŪM_ PHAT_

Bất Động Đại Minh Vương

Khử dơ khiến trong sạch

Tịch Trừ hiện ánh sáng

Với Hộ Thân, Kết Giới

Chân Ngôn ấy là [Như Lai nghĩa là ngưng tất cả chướng cho nên trụ **Hỏa Sinh Tam Muội** nói Chân Ngôn của bậc nghiền nát chướng lớn (đại chướng). Ấy là Hành Nhân từ lúc mới phát Tâm Bồ Đề, thủ hộ tăng trưởng cho đến khiến thành Phật Quả, cuối cùng chẳng lui mất, chẳng bị đọa trong Phi Đạo. **A Tả La Năng Tha** (Acala-Nātha: Bất Động Tôn)]

“**Năng mặc tam mạn đa phộc nhật-la noãn chiến noa** (cực ác. Ấy là bạo ác, lại rất bạo ác) **ma hạ lộ sái ninh** (đại phần nộ) **sa-phá tra dã** (phá hoại) **hồng** (khủng bố) **đát-la ca** (kiên cố) **hãn mâu** (2 chữ Chung Tử)”

ॐ मः मम श्र वज्रानम वष मन्त्रयम म्दय ह्र वद ह्र म्

*)NAMAḤ_ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ CAṆḌA_ MAHĀ-ROṢAṆA_ SPHAṬYA_ HŪM_ TRAT_ HĀM_ MĀM

_Tiếp dùng Ấn Chân Ngôn

Mà thỉnh triệu Chúng Thánh

Chư Phật Bồ Tát nói

Y Bản Thệ đi đến

Định Tuệ (2 tay) trong thành quyền (Nội Phộc)

Co Tuệ Phong (ngón trở phải) như câu

Tùy triệu đến phó tập (lúc Quán Đỉnh thời dùng **Câu Ấn** này dẫn Hành Giả vào cửa)



Chân Ngôn là (**Câu Ấn** này hay triệu chư Phật Bồ Tát ở mười phương tập hội Đạo Trường, đầy đủ mười Địa Vị hưởng chi 8 Bộ khác chưa sinh Tâm lành mà chẳng đến sao?! Hay chiêu mời biển Công Đức lớn của chư Phật ắt mãn tất cả Công Đức của Như Lai, triệu khắp tất cả chúng sinh cũng khiến cho được Đạo này)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) A, tát phộc đất-la** (tất cả Sở Hại Thân) **bát-la để ha để (2) đất tha nghiệt đảng** (Như Lai) **củ xa** (Câu, móc câu) **(3) mạo địa chiết lý-dã** (Bồ Đề Hạnh) **bát lý bố la ca (4) sa-phộc hạ** [7 biển Sách, Tỏa, Linh trừ chướng bất động]

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥
[ॐ नमो भगवते वासुदेवाय]

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ SARVATRA
APRATIHAṬE_ TATHĀGATA-AMKUŚA BODHĪ-CARYA PARIPŪRAKA_
SVĀHĀ

_Tiếp bày **Tam Muội Gia**

Mau mắn Nguyệt Vô Thượng

Khiến Bản Chân Ngôn Chủ

Các Minh vui vẻ nên

Tiếp cầm chày Kim Cương

Rút ném, lắc chuông vàng

Dâng hiến nước Át Già

Như Pháp dùng gia trì

Dâng các đảng **Thiện Thệ** (Sugata)

Dùng tắm thân Vô Cấu

Trước Hữu (bên phải) sau Tả (bên trái) xong

Đến trán hiến ba lần

Tiếp nên tịnh tất cả

Miệng Phật, nơi sinh con

[Bất Động Tôn gia trì 25 biển. Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chướng) Phong (ngón trỏ) quân Hỏa (ngón giữa), Không (ngón cái) giữ lóng dưới của Phong (ngón trỏ)]

Chân Ngôn là (biến thành **Bảo Tịnh Hương Thủy Hải**, đáy bày cát vàng, tràn đầy 8 Đức. Tưởng tám Chúng Thánh trong sạch không dơ bẩn. Biển Đại Trí của Đại Bi Thai Tạng hay tẩy rửa mọi bụi bặm, chướng Pháp Thân)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Nga nga năng** (hu không) **tam ma** (đẳng) **tam ma** (vô đẳng) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAGANA SAMA ASAMA_
SVĀHĀ

_Tiếp **Phụng Hoa Tọa Chân Ngôn** là (gia hộ **Bất Động Kệ** là)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. A**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ

ăn của tôi xong thì cho lại tôi thức ăn màu nhiệm) **ma hạ mạt lịch** (Quảng Đại Phong Mỹ, sự tốt đẹp sung túc rộng lớn) **sa-phộc hạ**”

𑖀𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ARARA _ KARARA_ BALIṀ DADA MI_ BALIṀ DADE _ MAHĀ-BALIḤ _ SVĀHĀ

Đặng Minh Chân Ngôn là:

“**Năng mạt tam mãn đa một đà nam. Đát** (Thể) **tha nghiệt đa** (Như Lai) **la-chỉ** (Diệm Minh, lửa sáng) **sa-phả la ninh** (Phổ biến) **phộc bà sa năng** (các ám tội) **nga nga nhu lý-dã** (không có hạn lượng ngang bằng hư không) **sa-phộc hạ**”

𑖀𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATA-ARCI SPHARAṆA VABHĀSANA _ GAGANA UDĀRYA_ SVĀHĀ

Hư Không Tạng Bồ Tát Phổ Cúng Dường Chân Ngôn là:

“**Năng mạt tát phộc đát tha nghiệt đế** (Quy mệnh tất cả Như Lai) **phiêu** (Đẳng) **vĩ thấp-phộc** (mọi loại Môn Nghĩa, Xảo Nghĩa) **mục khế tộ** (Môn đấng) **tát phộc tha** (tất cả) **khiêm** (Nhất Thiết Trí, chủng của Không) **ô ná nghiệt đế** (sinh) **sa-phả la, hệ hàm** (phổ biến) **nga nga na kiếm** (Hư không) **sa-phộc hạ** (ở trên Ấn này, tương một hoa sen báu, bên trên tương chữ Chúng Tử phổ thông. Cũng từ chữ này tuôn ra mọi thứ cúng dường. Vật tuôn ra đều là màu vàng ròng)”

𑖀𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄

*) NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHAYAḤ_ VIŚVA-MUKHEBHAYAḤ_ SARVATHĀ KHAM UDGATE SPHARA HĪMAMAḤ_ GAGANAKAMAḤ_ SVĀHĀ

Tỳ Lô Giá Na Vị (vị trí của Tỳ Lô Giá Na)

Với nơi Hành Giả ngụ

Hải Hội Sát Trần Chúng

Quyến thuộc tự vây quanh

Tiếp dùng âm thanh nhã

Khen biên Công Đức Phật

Pháp Thân, Pháp Giới Thể

Biển Công Đức chư Phật

Nên dùng âm thanh nhã

Ca Vịnh mà khen rằng

Tát phộc vĩ-dã bĩ bà phộc cật-la cật-lý dã (Tất cả Thiện Sinh Chúng) **tô nghiệt đát địa bát đế nhĩ năng** (Thể Diệm Dụng không có trở ngại) **đát-lại đà đồ ca ma ha la tá** (Ba cõi như Đại Vương) **vĩ lỗ tả năng, năng mô sa-đồ đế** (Biển Chiếu, tôi đỉnh lễ)

Thành Tựu Bồ Đề Báo Thân tán là:

A nan đa ma tất đát sa ngu na giả lam (1) Năng mạt tam ma sa-chiêm tô nghiệt đát đát-la ca la đập, ma hạ ma hạ nan đế, ma hạ ma hạ hột-lý, đập (3) ma hạ ma hạ duệ dã, ma hạ ma hạ a đát-ma nam (4)

Kim Cương Ứng Thân tán là:

Phộc mỗi ca chỉ la sa đá bịch năng ninh, tổ đa năng sa-đát-noan, bả sái ca hạ sa-đa tỳ-ly câu-chi, mục khư kế ca la khất-sám, tất-đề-ly-dã địa vĩ kế, nhĩ na phộc lý, bát-la để tãng sa-đồ đa, sa-đát-noan (3) A lý trích năng ma di-dạ, a giả la chế tra nam địa diệm (4)

KINH ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THÂN BIẾN GIA TRÌ
LIÊN HOA THAI TẠNG QUẢNG ĐẠI THÀNH TỰU NGHI QUỶ
QUYÊN THƯỢNG (Hết)